

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 10 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình Kiên cố nương tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình thuộc chương trình sử dụng nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2020 trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 235/TĐ-KTHT ngày 12/10/2020 và Ban QLDA ĐTXD huyện Triệu Sơn tại tờ trình số 205/TTr-BQLDA ngày 28/8/2020.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình kiên cố nương tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn với những nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Kiên cố nương tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn.

**2. Địa điểm xây dựng:** xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**3. Loại, cấp công trình:** Công trình NN và PTNT, cấp IV.

**4. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2020.

## **5. Nội dung nhiệm vụ khảo sát:**

### **5.1. Mục đích:**

Cung cấp các tài liệu chi tiết về địa hình khu vực xây dựng công trình làm cơ sở để lựa chọn phương án kỹ thuật, vị trí công trình và tính toán xác định thông số kỹ thuật, tổng mức đầu tư của công trình.

### **5.2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:**

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- QCVN 04-05:2012 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8478:2010: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình;
- TCVN 8223:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về đo địa hình và xác định tim kênh, công trình trên kênh;
- TCVN 8224:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế mặt bằng địa hình;
- TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế cao độ địa hình;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 309:2004 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan

### **5.3. Phạm vi khảo sát:**

- \* *Hệ cao, tọa độ:* Hệ tọa độ sử dụng hệ tọa độ VN2000;
- \* *Cấp địa hình và độ chính xác:* Địa hình cấp II.
- \* *Bình đồ tuyến:*
  - Đo vẽ bình đồ tuyến: tỷ lệ: 1/1000; Khoảng cao đồng mức 1,0m. Lấy rộng về mỗi phía 7,5m, chiều rộng băng đo 15m.
  - Chiều dài tuyến dự kiến: 1.334m.
  - Khối lượng đo vẽ dự kiến:  $F = 1.334 \times 15 = 20.010 \text{m}^2 = 2,0 \text{ha}$ ;
- \* *Đo vẽ cắt dọc:*
  - Tỷ lệ đo vẽ đứng: 1/100; tỷ lệ ngang: 1/1.000.
  - Theo dọc tuyến trung bình (50÷100)m đóng 1 cọc, những vị trí địa hình thay đổi đóng dày hơn để thể hiện đúng thực tế.
  - Khối lượng dự kiến: 1.334m.
- \* *Đo vẽ cắt ngang:*
  - Tỷ lệ đo vẽ: 1/100.
  - Phạm vi đo vẽ: Tất cả các điểm trên cắt dọc đều phải đo cắt ngang, phạm vi lấy từ tim tuyến về mỗi phía 7,5m. Chiều rộng cắt ngang trung bình 15m.
  - Khối lượng dự kiến: 460,2m, trong đó
    - + Tuyến chính:  $(650,5/50+1) \times 15 = 210,15 \text{m}$ .
    - + Tuyến N1:  $(180,5/50+1) \times 15 = 69,15 \text{m}$ .

+ Tuyến N2:  $(202,8/50+1)*15m = 75,84m$ .

+ Tuyến N3:  $(300,2/50+1)*15m = 105,06m$

\* *Xây dựng lưới khống chế tọa độ, cao độ:*

- Xây dựng lưới khống chế mặt bằng, đường truyền cấp 2 bằng thiết bị GPS: khối lượng dự kiến 03 điểm.

- Đo khống chế độ cao, thủy chuẩn kỹ thuật: Khối lượng dự kiến 2,0 km.

\* *Cắm mốc tìm tuyến công trình:*

- Số lượng: 09 mốc tại đầu và cuối tuyến và vị trí cong cua;

- Quy cách cọc: Mốc bê tông kích thước (15x15x60) cm, đế (30x30x10) cm. Mốc được chôn sâu xuống nền 0,4 m.

\* *Lập báo cáo khảo sát địa hình:*

- Kết quả khảo sát địa hình bao gồm: thuyết minh, các phụ lục, bản vẽ, bản tính, và các tài liệu liên quan.

#### **5.4. Khối lượng công tác khảo sát dự kiến:**

<b>TT</b>	<b>Tên công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
	<b>Khảo sát địa hình</b>		
1	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1,0m, ĐH cấp II	ha	2,0
2	Đo vẽ cắt dọc, ĐH cấp II	100 m	13,34
3	Đo vẽ cắt ngang, ĐH cấp II	100 m	4,602
4	Đường chuyền cấp 2	điểm	3,0
5	Thủy chuẩn kỹ thuật	km	2,0
6	Mốc tìm tuyến công trình	mốc	9,0

**6. Chi phí khảo sát: 45.077.000 đ** (Bốn mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

**7. Thời gian thực hiện khảo sát:** Quý IV năm 2020.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, NN và PTNT; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**